

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 3 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Đăng
2. Ông Võ Hoàng Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp x , xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1980 (vắng mặt).

HKTT: Ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ nơi làm việc: Korea.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2006 chị T và anh V tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 159, Quyền số 01/2007 ngày 21/9/2007.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc có một con chung, đến năm 2011 anh V đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng vẫn còn liên lạc với nhau qua điện thoại, mạng xã hội, anh V gửi tiền về cho chị T nuôi con. Năm 2018

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ đó anh V không trở về Việt Nam thăm gia đình. Hiện nay anh V đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có hàn gắn lại tình cảm cũng không hạnh phúc. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về nuôi con: Vợ chồng có một con chung tên Lê Tường Y, sinh ngày 06/5/2007, đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Văn bản ý kiến ngày 22/12/2020 anh Lê Hoàng V trình bày:

Về hôn nhân: Anh V thống nhất về thời gian vợ chồng sống chung, thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vì mỗi người đều mong muốn có cuộc sống riêng, không ràng buộc lẫn nhau. Anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về nuôi con: Vợ chồng có một con chung tên Lê Tường Y, sinh ngày 06/5/2007, hiện nay con chung đang sống chung với chị T. Nay anh V đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh V đồng ý với yêu cầu của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đồng thời do tính chất công việc cũng như khoảng cách địa lý xa xôi nên xin phép được vắng mặt trong tất cả các phiên họp; hòa giải và xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Mọi quyết định của Tòa án anh V cam kết hoàn toàn đồng ý thống nhất và không khiếu nại về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T là công dân Việt Nam, có địa chỉ tại xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Hoàng V, quốc tịch Việt Nam, đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, không có mặt ở Việt Nam tại thời điểm thụ lý vụ án. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết vụ án quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh V có văn bản ghi ý kiến xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp với quy định khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T, anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 159 ngày 21/9/2007 là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh V thống nhất vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, anh V không trở về Việt Nam thăm chị T và con chung. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm, mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài quan hệ hôn nhân cũng không hạnh phúc. Việc chị T yêu cầu ly hôn được anh V đồng ý là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh V.

[2.2] Về nuôi con: Chị T, anh V có một con chung tên Lê Tường Y, sinh ngày 06/5/2007, hiện đang sống chung với chị T.

Xét thấy, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Tường V mong muốn được sống chung với chị T. Anh V có ý kiến đồng ý chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị T và anh V trình bày thống nhất không có nên không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83 và 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê Hoàng V.

2. Về nuôi con: Giao con chung tên Lê Tường Y, sinh ngày 06/5/2007 (hiện đang sống chung với chị T) cho chị Trần Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006109 ngày 11/01/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu HS, VT (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Kim Oanh